



**HƯỚNG DẪN NHẬP HỒ SƠ / GUIDANCE TO
THAM DỰ BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023 / APPLY FOR
CORPORATE SUSTAINABILITY AWARDS 2023
(TOP50 CSA)**

Để tham dự bình chọn, doanh nghiệp (DN) sẽ đi qua 3 bước nhập dữ liệu./ *To apply, you are required to go through 3 steps:*

Doanh nghiệp điền thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh/ *Please fill in both Vietnamese and English.*

- **Bước 1/ Step 1:** Nhập thông tin doanh nghiệp/ *Input company general information.*
- **Bước 2/ Step 2:** Nhập các chỉ số về kết quả kinh doanh và phát triển bền vững trong 3 năm/ *Input business and sustainable performance in 3 years.*
- **Bước 3/ Step 3:** Lựa chọn hạng mục ứng cử và cung cấp tài liệu tương ứng với hạng mục đó/ *Choose sustainable development categories to apply and submit documents related to that categories.*

Chi tiết được diễn giải như sau/ *Details are as follow*

BƯỚC 1/ STEP 1:

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/ *COMPANY INFORMATION*

Ở phần này, DN cần cung cấp các thông tin cơ bản về doanh nghiệp, người đại diện, người liên lạc và sản phẩm, dịch vụ cũng như thị trường chính. / *In this section, you need to provide basic information about the company, representatives, contacts, products, services and main markets.*

DN cũng cần gửi kèm logo (chất lượng cao) để phục vụ cho việc in ấn sau này (nếu có)./ *You also need to include your logo (in high resolution) for later printing (if any).*

Thông tin cần chuẩn bị như sau/ *Informations to be prepared are as follow:*

- Thông tin doanh nghiệp/ *Business information*
 - Tên/ *Name*
 - Mã số thuế/ *Tax identification number*
 - Loại hình kinh doanh/ *Business type*
 - Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/ *Main business lines*
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Head office address*
 - Điện thoại/ *Telephone*
 - Website
 - Email
 - Năm thành lập/ *Founded year*
- Người đại diện pháp luật/ *Legal representative*
 - Họ tên/ *Name*
 - Chức vụ/ *Position*
 - Điện thoại di động/ *Mobile*
 - Email
- Đầu mối liên hệ của doanh nghiệp/ *Contact representative*
 - Họ tên/ *Name*
 - Chức vụ/ *Position*
 - Điện thoại di động/ *Mobile*
 - Email
- Sản phẩm, dịch vụ chính/ *Main products, services*
- Thị trường chính/ *Main markets*
- Logo công ty/ *Company logo*

BƯỚC 2/ STEP 2:

KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG 3 NĂM/ *BUSINESS PERFORMANCE IN 3 YEARS*

Tại phần này, DN sẽ nhập các dữ liệu liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh và một số chỉ số liên quan đến phát triển bền vững trong 3 năm hoạt động gần nhất, tức từ 2020 đến 2022./ *In this section, you will enter data related to business results and some indicators related to sustainable development in the last 3 years of operation, from 2020 to 2022.*

Tại chỉ tiêu hoặc năm nào không có dữ liệu, DN vui lòng nhập “0”./ *In case lacking of data, please enter “0”.*

Để tăng tính thuyết phục cho dữ liệu của mình, DN vui lòng đính kèm tài liệu liên quan đến các con số đã nhập. Tài liệu có thể là Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo phát triển bền vững, .../ *To increase the persuasion of your data, please attach documents related to the entered numbers. Documents can be Business Results Report, Financial Statement, Sustainability Report, etc.*

Lưu ý: đơn vị tính của các chỉ tiêu được để trong ngoặc đơn. Có 2 đơn vị là “triệu VND” và “%”. Chỉ số tốc độ tăng trưởng gộp (CAGR) sẽ được tính toán tự động./

Note: the units of the indicators are in parentheses. There are 2 units: “million VND” and “%”. The Compound Annual Growth Rate (CAGR) will be calculated automatically.

Lưu ý tách riêng 2 bộ tài liệu đính kèm của 2 hạng mục: Chỉ số kết quả kinh doanh cơ bản (I) và Chỉ số phát triển bền vững cơ bản (II)/
Please separate 2 sets of attached documents as follow: Business Indicators (I) and Sustainable Development Indicators (II)

I. CHỈ SỐ KINH DOANH/ BUSINESS INDICATORS	2020	2021	2022	CAGR
1. Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax (mil VND)</i>				
2. Khả năng sinh lời trên vốn/ <i>Return on equity (ROE) (%)</i>				
3. Khả năng sinh lời trên tài sản/ <i>Return on asset (ROA) (%)</i>				
4. Đóng góp cho ngân sách nhà nước/ <i>Contribution to state budget (mil VND)</i>				
5. Đóng góp cho xã hội thông qua các chương trình hỗ trợ nhân đạo, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường/ <i>Contribution to society through programs on humanitarian assistance, community development, environmental protection (mil VND)</i>				
II. CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CƠ BẢN / BASIC SUSTAINABLE DEVELOPMENT INDICATORS	2020	2021	2022	CAGR
1. Thu nhập bình quân lao động nam trong năm/ <i>Yearly average income of male employees (mil VND)</i>				
2. Thu nhập bình quân lao động nữ trong năm/ <i>Yearly average income of female employees (mil VND)</i>				
3. Tỷ lệ chất thải được thu gom, phân loại, tái chế và tái sử dụng (nếu có)/ <i>Propotion of waste being collected, sorted, recycled and reused (if any) (%)</i>				
4. Tỷ lệ nước thải được thu gom, tuần hoàn, tái sử dụng (nếu có)/ <i>Propotion of waste water being collected, recycled and reused (if any) (%)</i>				
5. Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng (nếu có)/ <i>Propotion of save on energy (if any) (%)</i>				

BƯỚC 3/ STEP 3:

ỨNG CỬ HẠNG MỤC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG/ *SUSTAINABLE DEVELOPMENT CATEGORY*

Tại bước này, DN sẽ chọn 1 (hoặc nhiều) trong số 16 hạng mục để ứng cử./ *At this step, you will choose 1 (or more) out of 16 categories to apply.*

Khi đánh dấu vào ô ứng cử tại mỗi hạng mục, phần giải thích cho hạng mục đó sẽ hiện ra như ở hình bên dưới. **DN cần viết một đoạn giới thiệu 200 chữ về hạng mục mình ứng cử, 5 con số nổi bật về hoạt động bền vững, và tài liệu minh chứng cho hạng mục đó.** / *When ticking the box in each category, the explanation for that category will appear as shown in the image below. You need to write a 200-word introduction about the category you are applying for, 5 outstanding numbers in sustainable activities, and supporting documents for that category.*

Các file đính kèm định dạng .pdf, nếu từ 2 file trở lên, vui lòng nén .zip hoặc .rar (<=1MB)./ *Attached documents should be pdf form. Please compress the file using .zip or .rar if there are more than two files (<=1MB).*

Hạng mục/ Categories	Ứng cử/ Apply	Tài liệu/ Documents
E – BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (ENVIRONMENTAL PROTECTION)		
<u>1. GIẢM THIỂU DẤU CHÂN CARBON / MINIMIZE CARBON FOOTPRINT</u> - Doanh nghiệp theo đuổi chiến lược carbon thấp / <i>Businesses pursue a low-carbon strategy</i> - Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, quản lý năng lượng / <i>Switch to renewable energy, use energy wisely and efficiently, and energy management</i>		
<u>2. TIÊN PHONG GIẢM THIỂU RÁC THẢI / PIONEER IN WASTE REDUCTION</u> - Doanh nghiệp có nỗ lực trong việc giảm phát sinh chất thải, và/ hoặc tăng tỉ lệ tái chế chất thải./ <i>Companies make efforts to reduce waste generation, and/or increase the rate of waste recycling.</i>		
<u>3. VẬN TẢI BỀN VỮNG/ SUSTAINABLE TRANSPORT</u> - Doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ và cơ sở hạ tầng cho sự di chuyển của con người, hàng hoá theo cách thức an toàn, giá cả phải chăng, dễ tiếp cận, hiệu quả./ <i>Companies provide services and infrastructure for the mobility of people and goods in a manner that is safe, affordable, accessible, efficient, and resilient.</i>		

<p>- Doanh nghiệp có nỗ lực giảm thiểu phát thải carbon, các khí thải khác và giảm tác động đến môi trường./ <i>Companies make efforts to minimize carbon and other emissions and environmental impacts.</i></p>		
<p><u>4. TỐI ƯU NGUYÊN LIỆU BỀN VỮNG / OPTIMIZE THE USE OF SUSTAINABLE MATERIALS</u></p> <p>Doanh nghiệp theo đuổi chiến lược nguyên liệu bền vững thể hiện/ <i>Companies pursuing a sustainable use of material strategy demonstrate:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm nhu cầu sử dụng nguyên liệu/ <i>Reducing the need for raw materials</i> - Tái chế/ <i>Recycling</i> - Tăng tuổi thọ sản phẩm/ <i>Life production extension</i> - Sử dụng nguyên liệu tại địa phương/ <i>Use local materials</i> 		
<p><u>5. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BỀN VỮNG / SUSTAINABLE RESOURCE MANAGEMENT</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn tài nguyên đất, nước, không khí / <i>Conserve land, water and air resources.</i> - Giảm nguyên liệu hóa thạch/thay thế bằng nguyên liệu xanh / <i>Reduce fossil fuels / replace them with green fuels.</i> 		
<p><u>6. SẢN PHẨM VÀ DẪN DẮT TIÊU THỤ CÓ TRÁCH NHIỆM / PRODUCTS AND RESPONSIBLE CONSUMPTION</u></p> <p>- Doanh nghiệp cải thiện/khuyến khích/đưa ra giải pháp sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm với xã hội, môi trường/ <i>Improve/encourage/implement solutions for socially and environmentally responsible production and consumption.</i></p>		
<p>S – TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (SOCIAL RESPONSIBILITY)</p>		
<p><u>7. DẪN DẮT HOÀ NHẬP XÃ HỘI/ LEADING SOCIAL INTERGRATION</u></p> <p>- Có hoạt động giúp tăng cơ hội tiếp cận cho mọi thành viên trong xã hội / <i>Activities that aim to increase accessibility for all community members.</i></p>		
<p><u>8. CSR NỔI BẬT/ OUTSTANDING CSR ACTIVITY</u></p> <p>- Cải thiện chính sách lao động. Môi trường làm việc đa dạng, công bằng và hòa nhập. Các chính sách hướng đến bảo vệ môi trường. Các hoạt động thiện nguyện, tình nguyện cải thiện các vấn đề tại địa phương... / <i>Labor policy improvement. Diverse, fair and</i></p>		

<p><i>inclusive workplace. Policies aimed at protecting environment. Volunteering activities, volunteer to improve local issues...</i></p>		
<p><u>9. CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG / HR STRATEGY FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT</u></p> <p>- Sáng kiến/giải pháp và lộ trình phát triển con người để tạo cơ hội cho mọi nhân viên được tham gia thực hiện sứ mệnh chung là “xây dựng cuộc sống bền vững” cho cộng đồng / <i>Initiatives/solutions and human resource development roadmap to create opportunities for all employees to participate in realizing the common mission of “building a sustainable life” for the community.</i></p>		
<p><u>10. TIẾP THỊ CÓ TRÁCH NHIỆM/ RESPONSIBLE MARKETING</u></p> <p>- Hoạt động nổi bật trong tuân thủ các yêu cầu về tiếp thị và nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ... vì lợi ích cộng đồng. / <i>Outstanding initiatives that adhere to the standards of product and service marketing and branding, etc for the benefit of the community.</i></p>		
<p><u>11. TIÊN PHONG KINH TẾ TUẦN HOÀN/ PIONEER IN CIRCULAR ECONOMY</u></p> <p>- Doanh nghiệp hỗ trợ việc tái chế và tuần hoàn trong toàn chuỗi cung ứng./ <i>Companies that support recycling and cycle economy in the whole supply chain.</i></p>		
<p>G – QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (CORPORATE GOVERNANCE)</p>		
<p><u>12. NGÔI SAO BÌNH ĐẲNG GIỚI / GENDER EQUALITY STAR</u></p> <p>- Hoạt động nổi bật trong chính sách đa dạng giới trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc; phát triển tài năng nữ lãnh đạo / <i>Significant efforts to promote the gender diversity policy among the board of directors and the C-suite executives; nurture female leadership.</i></p>		
<p><u>13. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC / LEADERSHIP IN CORPORATE GOVERNANCE</u></p> <p>- Doanh nghiệp có mô hình quản trị hiệu quả, hướng các doanh nghiệp đến các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị, qua đó, góp phần cải cách lĩnh vực quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu cam kết quốc tế và xây dựng nền tảng vững chắc cho doanh nghiệp / <i>Companies with efficient corporate governance, orienting to international standards of governance, thereby, contributing to reforming the corporate governance field in Vietnam, meeting international commitments and building a solid foundation for businesses.</i></p>		

<p><u>14. NỀN TẢNG QUẢN TRỊ RỦI RO NỔI BẬT / OUTSTANDING RISK MANAGEMENT</u></p> <p>- Có chính sách quản trị rủi ro nổi bật liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh; dễ dàng lấy lại đà phục hồi và phát triển bền vững sau những biến động của thị trường hay khủng hoảng kinh tế... / <i>Have outstanding risk management policies related to production and business activities; easily regain recovery momentum and develop sustainably after market fluctuations or economic crisis...</i></p>		
<p><u>15. TINH THẦN LÃNH ĐẠO ESG / ESG LEADERSHIP</u></p> <p>- Ban lãnh đạo doanh nghiệp quyết tâm thực thi/hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững xuất sắc / <i>Business leaders are determined to implement/realize an excellent sustainable.</i></p>		
<p><u>16. DỰ ÁN CỦA NĂM/ PROJECT OF THE YEAR</u></p> <p>- Có dự án phát triển bền vững nổi bật thông qua kết quả, tác động tới hoạt động kinh doanh/cộng đồng / <i>Have outstanding sustainable development projects through results, impact on business/community activities.</i></p>		

PHƯƠNG THỨC BÌNH CHỌN/ VOTING METHOD

- Doanh nghiệp được đánh giá là Phát triển bền vững trước hết phải đạt các tiêu chí cơ bản về Kinh doanh (điểm 1) và Bền vững (điểm 2)./ Companies assessed as Sustainable Development must first meet the basic criteria of Business (point 1) and Sustainability (point 2).

- Các doanh nghiệp thua lỗ liên tiếp, trốn – nợ thuế, không hoặc nợ đóng BHXH... được coi là không đạt tiêu chuẩn bình chọn./ Companies with consecutive losses, evasion - tax debt, no or delay payment of social insurance ... are considered as not meeting the voting criteria.

- Điểm số được chấm 0 – 1 – 2 – 3 (tương ứng 0 xét – trung bình – khá – xuất sắc)./ Scores are scored 0 - 1 - 2 - 3 (corresponding to 0 considered - average - good - excellent).

- Doanh nghiệp có thể ứng cử ở nhiều hạng mục trong 16 hạng mục đề xuất./ Companies can apply in many categories out of 16 proposed categories.

- Điểm số hạng mục được xét cạnh tranh (trên 3 loại điểm 1+2 +3) giữa các doanh nghiệp trong cùng hạng mục. / The scores are considered for competition (out of 3 categories of 1+2 +3) among businesses in the same category.

- Kết quả cuối cùng sẽ là trung bình có trọng số điểm từ Hội đồng Thẩm định và Bình chọn của độc giả./ The final result will be a weighted average of scores from the Review Panel and Readers Vote.